

## BẤT BÌNH ĐẲNG GIÁO DỤC: NHÌN TỪ CÁC TIẾP CẬN LÝ THUYẾT

LÊ THỊ MỸ\*

*Trong thập niên 1960, 1970, các quốc gia Âu, Mỹ bước vào thời kỳ “bùng nổ giáo dục” nhưng vẫn tồn tại sâu sắc sự bất bình đẳng giáo dục ở mỗi quốc gia. Do đó, đã có nhiều nghiên cứu với cách tiếp cận khác nhau nhằm nỗ lực tìm hiểu vấn đề bất bình đẳng về giáo dục, về cơ may thành công trong học tập, về mối quan hệ giữa trường học thời hiện đại và thế giới công nghiệp... Bài viết giới thiệu tổng quát các hướng tiếp cận lý thuyết nổi bật về bất bình đẳng giáo dục được các nhà xã hội học thế giới quan tâm, từ đó gợi mở những nghiên cứu về chủ đề này ở Việt Nam hiện nay.*

*Từ khóa:* giáo dục, bất bình đẳng cơ hội giáo dục

*Nhận bài ngày: 16/11/2020; đưa vào biên tập: 17/11/2020; phản biện: 18/11/2020; duyệt đăng: 30/11/2020*

### 1. DẪN NHẬP

Bất bình đẳng về giáo dục còn được gọi là bất bình đẳng về cơ hội giáo dục là sự phân phối những thành tựu giáo dục đạt được cho các thành viên trong xã hội theo những cơ sở xã hội khác nhau, có nghĩa là những người có cơ sở xã hội khác nhau sẽ nhận được những mức độ giáo dục khác nhau (World Bank, 2009). Giáo dục Việt Nam cũng đã có sự chuyển đổi từ nền giáo dục khép kín truyền thống

sang nền giáo dục mở, hiện đại trên cơ sở nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong những năm qua. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, môi trường giáo dục Việt Nam hiện nay đứng trước những thách thức nhằm đem lại bình đẳng giáo dục cho các thành viên trong xã hội. Bài viết trình bày những quan điểm lý thuyết chủ yếu được các nhà nghiên cứu thế giới quan tâm với hy vọng các quan điểm lý thuyết này phần nào hữu ích cho các nghiên cứu về bản chất bất bình đẳng cơ hội giáo dục đối với bậc phổ thông của Việt Nam hiện nay.

---

\* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

## **2. MỘT SỐ CÁCH TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU BẤT BÌNH ĐẲNG VỀ GIÁO DỤC**

### **Quan điểm của lý thuyết chức năng và cách tiếp cận mác xít**

Vào thập niên 1950, 1960, các nước Âu, Mỹ trải qua thời kỳ “bùng nổ giáo dục”. Thế giới đã chứng kiến sự tăng nhanh của phổ cập giáo dục và đồng thời là sự cam kết của các chính phủ đối với vấn đề phát triển giáo dục tập trung vào hai mục tiêu chủ yếu. Mục tiêu thứ nhất là tạo ra hệ thống giáo dục tốt hơn và có thể mang lại nhiều cơ hội cho con em người lao động; mở rộng tiếp cận giáo dục trung học và cao đẳng để tiến tới xã hội người tài năng dựa trên sự bình đẳng về các cơ hội. Mục tiêu thứ hai là sử dụng giáo dục hiệu quả để phát triển kỹ năng cho lực lượng lao động tương lai. Và từ đây, xuất hiện nhiều nghiên cứu giáo dục trên cơ sở bình đẳng về cơ may qua phân tích vị trí của giáo dục trong xã hội hiện đại theo quan điểm lý thuyết chức năng và cách tiếp cận mác xít (Bilton et al., 1993: 279). Hai quan điểm lý thuyết này chú trọng đến mối quan hệ giữa thiết chế giáo dục với thiết chế kinh tế trong bối cảnh nhu cầu nguồn nhân lực đa dạng cho nền công nghiệp hóa ở các nước Âu, Mỹ.

### **Thuyết chức năng**

Theo quan điểm chức năng, giáo dục chính quy là điều kiện tiên quyết đối với sự phát triển kinh tế có hiệu quả và phát triển xã hội người tài năng. Đặc biệt, hệ thống giáo dục còn đóng vai trò chủ yếu trong việc đáp ứng các

nhu cầu cần thiết của xã hội công nghiệp và là phương tiện để phát triển nguồn nhân lực của các quốc gia công nghiệp. Công nghiệp hóa đem lại những thay đổi trong cơ cấu nghề nghiệp: xuất hiện các nghề mới và chuyên môn hóa cao, nhu cầu về kỹ thuật viên, công nhân có chuyên môn và công nhân quản lý tăng... Vì vậy, việc mở rộng giáo dục phổ cập và giáo dục đại học nhằm đáp ứng những thay đổi này. Ở đây, giáo dục có chức năng định rõ vị trí xã hội. Xã hội công nghiệp có cơ chế lựa chọn những cá nhân theo tài năng và đào tạo để có thể đáp ứng công việc một cách hiệu quả nhất.

Ngoài ra, theo quan điểm này, giáo dục còn góp phần vào sự cố kết xã hội bằng cách truyền cho các thế hệ những giá trị trung tâm, cốt lõi của xã hội, nhằm hướng đến sự nhất trí về những giá trị cơ bản của xã hội và không để ý đến sự đa dạng về kinh nghiệm sống của các cá nhân.

Tuy nhiên, cách tiếp cận giáo dục mang tính chức năng đã gặp phải chỉ trích. Trước hết, mức độ phù hợp giữa kỹ năng về kỹ thuật và tri thức giảng dạy ở trường học với yêu cầu của nền sản xuất hoàn toàn không rõ ràng. Kể đến là sự chọn lọc học sinh thành những người thành đạt và không thành đạt và trường học có vai trò phân bổ cho học sinh những vị trí đáng được hưởng không ngang hàng trong cơ cấu xã hội liên quan đến giá trị thực của bản thân học sinh hay liên quan đến những đặc điểm như thành

phần dân tộc, giới tính, thành phần xã hội mà học sinh được thừa hưởng. Cuối cùng, ý niệm về chương trình giảng dạy giá trị cốt lõi (essence) khó có thể đứng vững. Bởi, qua phân tích các tư liệu giảng dạy, người ta đưa ra nhận xét rằng, những thiên vị liên quan đến phân biệt chủng tộc, người thiểu số, tầng lớp xã hội, giới tính và những giá trị, kiến thức được chọn lọc, tuyên truyền trong trường học chỉ phù hợp và có ích đối với một vài nhóm người trong xã hội (Bilton et al., 1993).

Theo P. Bourdieu và J.C. Passeron (1970) thì văn hóa học đường là văn hóa của giai cấp thống trị.

Hai thập kỷ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống giáo dục các quốc gia Âu, Mỹ đối mặt với vấn đề bất bình đẳng trong khả năng tiếp cận với các cơ sở giáo dục. Cách tiếp cận mác xít phát triển mạnh vào cuối những năm 1960 và 1970 nhằm tìm lời giải đáp cho sự bất bình đẳng trong giáo dục.

Khác với quan điểm chức năng, các nhà nghiên cứu theo quan điểm mác xít đã quan tâm đến bối cảnh xung đột để giải thích mối quan hệ giữa giáo dục và kinh tế. Đại diện chủ yếu của cách tiếp cận mác xít là Bernstein ở Anh, Bowles và Gintis ở Mỹ (Bulle, 2005). Các tác giả cho rằng, sự liên hệ mật thiết giữa nhà trường và kinh tế là những đòi hỏi của chủ nghĩa tư bản công nghiệp hơn là nhu cầu chung của tổ chức công nghiệp và nó nhào nặn bản chất của các hệ thống giáo dục. Ở đây, có sự tương ứng giữa tính chất lao động trong xã hội tư

bản và bản chất nhà trường. Và nhà trường cũng không đồng nhất trong các mô hình tổ chức và giáo dục. Đó là một mô hình phân biệt, nhà trường sẽ ứng xử khác nhau đối với những học sinh có hoàn cảnh khác nhau: nhà trường ở khu vực ngoại ô, nhà trường dành cho giai cấp công nhân, nhà trường ở khu vực giàu có... Các tác giả cũng đã nhấn mạnh rằng, xã hội tư bản là xã hội có giai cấp, và đặc điểm của xã hội này là sự bất bình đẳng lớn của mối quan hệ lệ thuộc và thống trị giữa các giai cấp. Ở xã hội tư bản, nhà trường góp phần quan trọng vào việc lưu truyền sự bất bình đẳng giữa các thế hệ. Bởi, nghề nghiệp của các thành viên tương lai của lực lượng lao động được quyết định bởi các giai cấp xã hội mà họ xuất thân. Như vậy, nhà trường góp phần vào việc tái tạo lại mỗi thế hệ, vị trí trong lực lượng lao động bị phân chia theo giai cấp xã hội, giới tính và dân tộc. Cách tiếp cận mác xít xem chủ nghĩa tư bản không chỉ là sản phẩm của tổ chức kinh tế mà còn là sản phẩm của hệ thống tư tưởng, văn hóa; nhà trường là công cụ hợp pháp hóa và duy trì sự bất bình đẳng xã hội (Bulle, 2005).

Tuy nhiên, hạn chế của cả hai cách tiếp cận này cho rằng mối quan hệ giữa hệ thống giáo dục và kinh tế quá chặt chẽ và trường học là nơi cung cấp nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa một cách sẵn sàng và tự nguyện. Hơn nữa, các lý thuyết này đều nhấn mạnh mức độ vĩ mô của phân tích,

mối quan hệ giữa giáo dục với các thiết chế khác, cụ thể là thiết chế kinh tế mà ít chú ý đến sự tương tác giữa giáo viên và học sinh, giữa cha mẹ và học sinh.

### **Cách tiếp cận theo quan điểm chế độ người tài năng (meritocracy)**

Theo Word Bank (2009), khái niệm chế độ người tài năng (meritocracy) gắn liền với sự bình đẳng cơ hội. Chế độ người tài năng dành phần thưởng cho các vị trí nghề nghiệp dựa vào kỹ năng và sự nỗ lực.

Theo quan điểm chế độ người tài năng, các cá nhân có thể thăng tiến lên các vị thế cao trong xã hội do họ có tài năng và cá nhân có thể tự do di động lên xuống thứ bậc nghề nghiệp tùy theo tài năng, năng lực. Herrnstein thừa nhận sự bất bình đẳng xã hội ít nhiều là kết quả không tránh khỏi do những khác biệt cá nhân về trí tuệ hay tài năng (Bilton et al., 1993). Theo luận điểm người tài năng, một xã hội người tài năng là xã hội mà các phần thưởng tùy theo khả năng, năng lực không dành cho những cá nhân được gán sẵn các đặc tính về nguồn gốc xuất thân, giai cấp... hoặc sự ngẫu nhiên về giới tính. Ở đây, không có sự ngăn cách sự di chuyển khả năng sang thành quả giáo dục, đến thành công nghề nghiệp. Theo Tony Bilton và các cộng sự (1993: 286), xã hội người tài năng có hai đặc điểm:

(1) Địa vị, nghề nghiệp và phần thưởng chỉ tùy thuộc vào thành quả học tập của cá nhân; các đặc điểm như giới tính, nguồn gốc dân tộc, giai

cấp xã hội... không thể ảnh hưởng đến thu nhập và uy tín của cá nhân.

(2) Thành quả giáo dục phải phụ thuộc vào tài năng; phải đảm bảo bình đẳng về cơ hội giáo dục, để các cơ may thành công ở nhà trường đều như nhau ở tất cả những người có khả năng như nhau, không tính đến giai cấp, dân tộc, giới tính.

Luận điểm về chế độ người tài năng đã được các nhà lãnh đạo giải thích cho sự bất bình đẳng trong giáo dục ở Pháp, được P. Bourdieu (1970) đề cập bằng khái niệm *hệ tư tưởng về thiên chất* (ideologie du don). Theo Bourdieu, sự thất bại hay thành công trong học tập là do “thiên chất” của cá nhân, do sự khác biệt về bẩm sinh, về năng khiếu.

Ở góc độ khác, tác giả Roemer (dẫn theo Word Bank, 2009) đã đề xuất sự khác biệt quan trọng giữa chế độ tài năng và bình đẳng về cơ hội. Bình đẳng về cơ hội có nghĩa là sân bằng sân chơi trước khi bắt kỳ cuộc cạnh tranh nào diễn ra, việc lựa chọn chỉ dựa trên những đặc điểm và kỹ năng phù hợp với vị trí được đề cập. Cơ hội bình đẳng tập trung vào sự công bằng trong cạnh tranh về các nguồn lực xã hội. Chế độ người tài năng tập trung vào các kết quả được tạo ra nhưng xã hội phải cân bằng công bằng đối với những người cạnh tranh về nguồn lực với phúc lợi xã hội chung. Để xem xét đúng đắn các vấn đề, đòi hỏi phải có chức năng phúc lợi chung cho xã hội. Và một nguyên tắc chung được đề xuất là khi đào tạo nhân lực với các

ngành nghề thì sử dụng nguyên tắc bình đẳng cơ hội, khi tuyển chọn ứng viên cho công việc thì sử dụng chế độ người tài năng.

Hạn chế của luận điểm chế độ người tài năng là đề cập đến các kết quả giáo dục, các vị trí, nghề nghiệp đạt được tùy thuộc vào tài năng, năng lực của cá nhân mà phủ nhận bất bình đẳng giáo dục bắt nguồn từ sự phân phối của cải, tài sản; nguồn gốc xuất thân.

### **Lý thuyết cưỡng đoạt văn hóa**

Từ góc độ vi mô, các nhà xã hội học đã quan tâm đến ảnh hưởng giáo dục đối với sự kế thừa di sản văn hóa - những giá trị mà cha mẹ lưu truyền cho con cái thông qua quá trình xã hội hóa. Thái độ của cha mẹ là yếu tố giúp thành công trong giáo dục và mối quan tâm của cha mẹ đối với giáo dục là nhân tố chủ yếu chi phối các cơ may của con cái được nhận vào trường trung học.

Lý thuyết này nhấn mạnh rằng không phải khác biệt bẩm sinh trong khả năng trí tuệ nhưng là do ảnh hưởng của các giá trị và thái độ tiếp thu thông qua quá trình xã hội hóa. Theo đó, các nhóm xã hội kém thành công về mặt giáo dục hơn các nhóm khác có thể khá thông minh nhưng do thiếu các kiểu dạy dỗ để đi đến thành công ở môi trường học tập. Giữa giá trị và thành đạt trong giáo dục có mối liên hệ với nhau. Vì thế, cần phải có các khảo sát để xác định, “tham vọng” hoặc “coi trọng tương lai”. Theo Douglas “mối quan tâm của cha mẹ” được đo lường bao gồm bình luận

của giáo viên về thái độ của cha mẹ, số lần cha mẹ đến thăm trường học (Bilton et al, 1993: 297). Cha mẹ thuộc giai cấp trung lưu quan tâm đến tiến bộ ở nhà trường của con cái nhiều hơn là cha mẹ lao động chân tay và con cái càng lớn thì cha mẹ càng quan tâm hơn. Quan điểm này thường được giáo viên sử dụng để lý giải cho việc nhà trường không thu hút được học sinh và không quan tâm đến các nhu cầu của học sinh: học sinh thuộc dân tộc thiểu số hay học sinh thuộc giai cấp công nhân bị tước đoạt về mặt văn hóa do nền tảng gia đình nên không thể hưởng lợi về cơ hội học tập. Quan điểm lý thuyết tước đoạt văn hóa còn cho rằng con cái giai cấp công nhân chịu thất bại một phần vì thiếu tham vọng. Boudon (1973) ghi nhận con cái của giai cấp công nhân có xu hướng chọn các công việc chân tay hay văn phòng, trong khi đó con cái giai cấp trung lưu chọn những công việc nghiệp vụ hay quản lý. Ở đây, tham vọng nghề nghiệp nên được xem xét không phải là dự định cuối cùng cá nhân hướng tới mà là khoảng cách giữa điểm xuất phát và mục tiêu của họ. Phải chăng điều này cho thấy con cái giai cấp công nhân có tham vọng hơn con cái giai cấp trung lưu. Vấn đề được đề cập ở đây không phải giá trị của con cái giai cấp công nhân là thích tham vọng mà vấn đề là do cấu trúc giai cấp buộc họ có xuất phát điểm thấp, thế nên các mức tham vọng và các mức quan tâm của cha mẹ có thể phản ánh không phải các giá trị văn hóa mà là hoàn cảnh

vật chất con người (dẫn theo Bilton et al, 1993: 297).

### **Lý thuyết vốn văn hóa (capital culturel) và tái tạo xã hội (reproduction sociale)**

#### *Vốn văn hóa*

Kể từ khi tác phẩm *Tái tạo xã hội* (La Reproduction) (1970) của P. Bourdieu và J.C. Passeron ra đời, các nhà xã hội học giáo dục xem các cơ chế kiểu văn hóa là yếu tố quyết định để hiểu sự bất bình đẳng trong giáo dục và tái tạo xã hội.

Khái niệm vốn văn hóa là khái niệm quan trọng trong xã hội học giáo dục, giúp giải thích sự bất bình đẳng trong giáo dục và vai trò của nhà trường trong quá trình tái tạo xã hội. Theo Bourdieu (1979), vốn văn hóa tồn tại ở ba trạng thái kết hợp, cụ thể, bao gồm những phẩm chất tri thức có được từ gia đình, trường học; những kỹ năng và thiên hướng, bằng cấp; những sản phẩm văn hóa (tác phẩm nghệ thuật, văn học, phương tiện truyền thông),... Vốn văn hóa giúp giải thích sự bất bình đẳng giáo dục một cách hiệu quả vì nhờ vào “nền văn hóa hợp pháp” cho phép các cá nhân có vốn văn hóa chính thức phân biệt bản thân mình. Bởi, có một nền văn hóa hợp pháp thống trị (tách biệt với nền văn hóa chung) và văn hóa học đường là một phần của văn hóa hợp pháp và giúp truyền tải văn hóa hợp pháp này. Ở đây, văn hóa học đường là văn hóa của giai cấp thống trị, không xuất phát từ một nền văn hóa phổ quát.

Quan điểm cổ điển về vốn văn hóa cho rằng con cái thuộc tầng lớp

thượng lưu được thừa hưởng từ gia đình những nguồn tài nguyên văn hóa khác nhau (ngôn ngữ, văn hóa chung, thị hiếu, thẩm mỹ), tích lũy và biến chúng thành lợi thế trong môi trường học đường. Những nội dung áp đặt cho học sinh và đánh giá từ trường học là thuộc nền văn hóa được gọi là hợp pháp, được tạo thành từ các sản phẩm biểu tượng có giá trị xã hội, xuất phát từ các nhóm xã hội thống trị do đó sẽ tạo nên hình thức “bạo lực biểu trưng” (violence symbolique) cho nhóm bị thống trị. Cho đến hiện nay, khái niệm vốn văn hóa vẫn được xem là khái niệm chính trong nghiên cứu giáo dục, tuy nhiên, nó cũng được vận dụng theo cách hiểu rộng, tùy vào ý nghĩa vốn văn hóa được các nhà nghiên cứu sử dụng. Các tác giả Lareau và Weininger (2003) hiểu vốn văn hóa theo nghĩa rộng liên quan đến sự đa dạng của các phương pháp giáo dục của cha mẹ. Cách tiếp cận này nhấn mạnh tính chất xã hội quyết định của vốn văn hóa gắn liền với chuẩn mực giáo dục của các tầng lớp xã hội để đưa ra các tiêu chí đánh giá có lợi nhất cho con cái của họ. “Khía cạnh quan trọng của vốn văn hóa cho phép văn hóa được sử dụng như nguồn tài nguyên cung cấp khả năng tiếp cận các phần thưởng hiếm, chịu sự độc quyền và trong những điều kiện nhất định, có thể được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác”.

#### *Nhà trường và sự tái tạo xã hội (reproduction sociale)*

Tái tạo xã hội trước hết là sự tái tạo của các giai cấp được xác nhận về sự

phân phối tài sản kinh tế và văn hóa (Bilton et al., 1993: 300). Nhà trường có chức năng áp đặt tính hợp thức của các giai cấp thống trị và truyền thụ tập tính của giai cấp và điều này thường bị che lấp bởi hệ tư tưởng sự bình đẳng về cơ hội trong giáo dục. "... nếu như nhà trường đem lại những vốn tượng trưng cho trẻ em và sinh viên, chẳng hạn, thì nó cũng đem lại những phương tiện sử dụng chúng theo những chiến lược phân chia giai cấp xã hội" (Ansart, 2001: 37).

Hệ thống giáo dục đã sử dụng một quyền lực về bạo lực biểu trưng nhằm hợp thức hóa cho các thứ bậc trong không gian xã hội. "Hệ thống giáo dục truyền tải những tri thức gắn gũi trong giai cấp thống trị. Vì vậy, con em của tầng lớp thống trị sở đắc một lượng lớn vốn văn hóa cho phép chúng thích nghi dễ dàng với những đòi hỏi ở nhà trường và, do đó, thành công hơn trong việc học" (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2017: 85). Và Pierre Bourdieu đã ghi nhận rằng nhà trường đã hợp thức hóa sự tái tạo xã hội bằng cách che giấu việc thành công ở trường học của các thành viên giai cấp thống trị do sự gần gũi của nền văn hóa của giai cấp thống trị với văn hóa học đường. Quyền lực của giai cấp thống trị có thể dẫn đến một khả năng áp đặt ý nghĩa đến các nền văn hóa khác nhau mà nhà trường đại diện cho văn hóa hợp pháp. Những đứa trẻ của giai cấp thống trị thường được thừa hưởng vốn văn hóa phù hợp với nhà trường và sẽ dễ dàng thích nghi với

môi trường giáo dục, văn hóa học đường hơn và cái *tập tính* (habitus) cung cấp cho những đứa trẻ này một vốn văn hóa nhất định để tiếp tục di chuyển lên theo bậc thang giáo dục. Trong khi đó, những đứa trẻ của giai cấp bị trị dần dần sẽ bị "loại bỏ" khỏi nhà trường hoặc chuyển hướng vào các hình thức giáo dục kém uy tín hơn. "Bạo lực biểu trưng là sự cưỡng bức ấy vốn được thiết lập qua trung gian của việc tán thành mà người bị trị không thể không thừa nhận với người thống trị" (Bourdieu, 1997: 245, dẫn theo Nguyễn Xuân Nghĩa, 2017: 87). "Một cách khách quan, tất cả hành động giáo dục là một bạo lực biểu trưng, xét như là một sự áp đặt về một nền văn hóa võ đoán bởi một quyền lực võ đoán" (Bourdieu, 1970: 19, dẫn theo Nguyễn Xuân Nghĩa, 2017: 88).

Hơn nữa, chức năng tái tạo lại trật tự xã hội của nhà trường không công khai, nó được ẩn dưới khái niệm *hệ tư tưởng về thiên chất*. Hệ tư tưởng này cho rằng sự thất bại hay thành công (về kết quả học tập) của cá nhân là do "thiên chất" của cá nhân. Sự khác biệt về kết quả học tập của các cá nhân đều bắt nguồn từ khác biệt về bẩm sinh, về năng khiếu của mỗi cá nhân. Các nhà lãnh đạo thường sử dụng cách giải thích này trong bất bình đẳng giáo dục. Giữa giáo viên và các nhóm học sinh có sự khác biệt về văn hóa và từ đó dẫn đến những khác biệt về *tập tính* giữa họ.

Các tác giả A.H. Halsey, A.F. Heath, và J.M. Ridge nêu lên một cách tiếp

cận khác với P. Bourdieu (Bilton et al., 1993). Các tác giả đã so sánh ảnh hưởng giáo dục của môi trường gia đình (vốn văn hóa, các giá trị, sự khuyến khích của cha mẹ) với hoàn cảnh kinh tế gia đình. Kết quả ghi nhận vốn văn hóa ảnh hưởng đến sự chọn lựa vào trường trung học nhưng ít có ảnh hưởng đến việc tiếp tục việc học của đứa trẻ. Cả hai môi trường văn hóa gia đình và hoàn cảnh kinh tế gia đình đều ảnh hưởng tới việc đưa trẻ vào được một trường trung học chọn lọc; và loại trường học mà trẻ theo học có ảnh hưởng đến thành tựu giáo dục sau này của đứa trẻ. Tuy nhiên, hoàn cảnh kinh tế gia đình là yếu tố quyết định đến sự tiếp tục theo đuổi việc học ở trường và kết quả các kỳ thi tuyển.

Tiếp cận dựa vào nguồn gốc gia đình cho rằng sự bất bình đẳng về vật chất còn là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của đứa trẻ trong hệ thống giáo dục. Các gia đình nghèo còn phải chịu gánh nặng các chi phí khác dành cho phần lớn học sinh. Đó là chi phí (giao thông) đi lại, quần áo đồng phục, chi phí các bữa ăn, chi phí sách giáo khoa và các đồ dùng học tập khác (dụng cụ thể thao, nguyên liệu thủ công,...) và kể cả các chi phí sát hạch hoặc chi phí cho các buổi học âm nhạc,... Ngoài ra, các chi phí ở giai đoạn chuyển tiếp giữa các cấp học cũng gây khó khăn cho các gia đình có thu nhập thấp. Việc không tiếp cận được phụ cấp giáo dục trở thành yếu tố rào cản cho sự bình đẳng cơ hội và bình đẳng giới trong giáo dục ở

Anh. Bởi vì, gia đình khó khăn về tài chính có thể dành ưu tiên tài chính trong giáo dục bắt buộc cho con trai hơn là con gái (Bilton et al., 1993).

### **Lý thuyết về bất bình đẳng cơ hội giáo dục và nhu cầu của cá nhân trong giáo dục**

Raymon Boudon, nhà xã hội học người Pháp, đã có những đóng góp to lớn về phương pháp luận khi nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục, mối tương quan giữa giáo dục và di động xã hội, bất bình đẳng về các cơ may (Mayer, 1974).

Theo Boudon, bất bình đẳng về các cơ hội giáo dục được hiểu như là “sự khác biệt - do tùy thuộc nguồn gốc xã hội - trong xác suất trình độ giáo dục khác nhau, đặc biệt ở các trình độ cao nhất” (Boudon, 1973: 27, dẫn theo Nguyễn Xuân Nghĩa, 2017: 141-142). Qua việc phân tích từ các cuộc điều tra vào những năm 1960, 1970 ở Pháp, Boudon chỉ ra tầm quan trọng của nguồn gốc xã hội đối với trình độ giáo dục có được của các cá nhân và sự ảnh hưởng của nó đến định hướng học tập của cá nhân. Boudon cho rằng sự bất bình đẳng về các cơ hội giáo dục là kết quả của ảnh hưởng cùng lúc của hai cơ chế. Một là, cơ chế di sản văn hóa: “... Trình độ văn hóa của gia đình phải được xem như một chiều kích chủ yếu chi phối vị thế xã hội của gia đình khi giải thích tương quan giữa sự thành công trong học tập của trẻ em với vị thế xã hội của gia đình”. Hai là, cơ chế mang tính quyết định trong việc học tập: ảnh hưởng của vị thế xã hội của các cá

nhân từ góc độ đánh giá chi phí, rủi ro, lợi ích dự kiến trong việc học tập liên quan đến sự nghiệp sau này của trẻ (Boudon, 1973: 97, dẫn theo Nguyễn Xuân Nghĩa, 2017: 143).

Nếu các cá nhân có cùng mức độ thành tích học tập lại có định hướng học tập khác nhau thì điều đó tùy thuộc vào nguồn gốc xã hội của cá nhân; vì nguồn gốc xã hội này đã can thiệp vào quá trình quyết định định hướng học tập và quá trình quyết định này bị chi phối bởi hai yếu tố là sự đánh giá chi phí đầu tư giáo dục và ước tính mức độ thành công mong muốn trong học tập.

Lý thuyết về nhu cầu trong giáo dục của Boudon chú ý đến những biến đổi về chọn lựa trong định hướng học tập. Đó là sự đánh giá về chi phí và mức độ khát vọng về vị thế xã hội khác nhau. Boudon nêu lên hai cơ chế cơ bản khi phân tích đánh giá về chi phí và mức độ khát vọng về vị thế xã hội khác nhau ở các cá nhân. Trước hết, môi trường xã hội trong đó những trẻ em lớn lên, sản sinh ra những lợi thế hay bất lợi về mặt nhận thức và văn hóa thể hiện qua sự phân bố ít nhiều thuận lợi về mặt thành tích học tập. Mặt khác, và có tính độc lập, tình huống xã hội của những gia đình làm cho những gia đình này đánh giá khác nhau về những nguy cơ, chi phí và lợi thế của việc đầu tư vào giáo dục (Boudon, 2000: 20, dẫn theo Nguyễn Xuân Nghĩa, 2017: 148).

Những trình bày trên đây cho thấy tính chất phức tạp của bất bình đẳng về

giáo dục và cơ hội giáo dục. Từ hướng tiếp cận vĩ mô và vi mô, các tác giả đã đi đến giải thích mối quan hệ giữa giáo dục với kinh tế và công bằng xã hội từ hệ thống chính sách của các quốc gia trong nền công nghiệp hiện đại, từ sự cưỡng đoạt văn hóa; phân tích sự bất bình đẳng trong môi trường giáo dục xuất phát từ yếu tố gia đình mà trong đó vốn văn hóa và nguồn gốc gia đình được xem là yếu tố quyết định. Mặc dù giáo dục đã được đại trà hóa (đại chúng hóa) thì việc đạt được trình độ học vấn vẫn phụ thuộc vào di sản văn hóa gia đình. Tuy nhiên, với cách tiếp cận này thì hạn chế trong việc giải thích thành công trong giáo dục có mối liên quan giữa vốn văn hóa và yếu tố thu nhập.

### **3. MỘT SỐ GỢI MỞ VỀ NGHIÊN CỨU BẤT BÌNH ĐẲNG GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM**

Bước vào thế kỷ XXI, giáo dục Việt Nam có những thay đổi đáng kể từ diện mạo đến nội dung giảng dạy. Vấn đề bất bình đẳng trong giáo dục Việt Nam đã được các tổ chức quốc tế, các nhà khoa học trong nước quan tâm. Các chủ đề được quan tâm như: thực trạng giáo dục phổ thông của quốc gia và các đặc điểm liên quan (Trần Hữu Quang, 2018; UNICEF, 2017; Lê Ngọc Hùng, 2015, 2016; Trần Quý Long, 2013; Nguyễn Thị Thanh Hương, 2011; Đỗ Thiên Kính, 2005), và bất bình đẳng giới trong cơ hội tiếp cận giáo dục ở các vùng và ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế (Nguyễn Văn Tiệp, 2015; Phạm Ngọc Toàn, Nguyễn Vân Trang, 2015).

Từ góc độ vĩ mô, sử dụng nguồn dữ liệu cấp quốc gia, các tác giả Nguyễn Thị Thanh Hương (2011), Lê Ngọc Hùng (2015) cho thấy bất bình đẳng giáo dục ở Việt Nam từ cấp tiểu học đến cao đẳng, đại học; khu vực thành thị - nông thôn và các vùng địa lý khác nhau. Cơ hội đến trường của trẻ em đã được mở rộng nhưng chưa được phân bổ một cách bình đẳng cho các nhóm trong độ tuổi đi học từ tiểu học đến trung học phổ thông và nhất là cao đẳng, đại học. Sự bất bình đẳng giữa thành thị và nông thôn, giữa các dân tộc và nhất là giữa nhóm hộ gia đình giàu và tăng mạnh từ trung học cơ sở lên đại học.

Bên cạnh đó, việc chi tiêu cho giáo dục (bao gồm thực tế chi và khả năng chi) của hộ gia đình một mặt thể hiện sự quan tâm của gia đình hướng đến nâng cao trình độ học vấn cho thành viên trong gia đình nhưng đây cũng là một trong những rào cản tạo nên sự bất bình đẳng trong cơ hội tiếp cận với học tập, giáo dục của các cá nhân. Kết quả phân tích từ các khảo sát định lượng trong gần 10 năm (2000-2010) ở Việt Nam đã ghi nhận chi phí cho việc học của người dân còn thấp, chiếm khoảng 5,1% so với thu nhập của hộ gia đình. Tỷ lệ này khác nhau theo từng vùng, cao nhất là vùng Bắc Trung Bộ (chiếm 9,1%), kế đến là Đồng bằng sông Hồng (6%), Đông Nam Bộ (5,5%) và thấp nhất là Đồng bằng sông Cửu Long (3,9%) (Nguyễn Thị Thanh Hương, 2011). Công trình nghiên cứu của Trần Hữu Quang

(2018) đã cho thấy trong lĩnh vực giáo dục phổ thông hiện nay, đang tồn tại tình trạng bất bình đẳng về chi phí giáo dục, về cơ hội giáo dục và mức độ thụ hưởng dịch vụ giáo dục. Đối với những hộ gia đình nghèo, việc chi giáo dục cho con cái càng là gánh nặng trong chi tiêu của gia đình, nhất là khi có con em học lên lớp cao. Con cái các gia đình nghèo để có khả năng nghỉ học sớm và nếu học kém thì điều này càng dễ xảy ra. Phần đông các gia đình nghèo không đủ khả năng cho con học tiếp các lớp cao hơn, đặc biệt là từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông. Trong khi đó, con cái các gia đình khá giả thì lại có nhiều cơ hội học lên bậc trung học phổ thông nhiều hơn so với con cái các gia đình khó khăn.

Các phân tích sử dụng nguồn dữ liệu quốc gia chú ý đến hệ số Gini về những khoản chi tiêu giáo dục của hộ gia đình<sup>(1)</sup>, chỉ số phân hóa (chỉ số chênh lệch) giữa các nhóm cơ sở xã hội khác nhau (nhóm chi tiêu của hộ gia đình và nhóm khu vực cư trú thành thị/nông thôn) (Đỗ Thiên Kính, 2005), tỷ lệ đi học đúng tuổi của trẻ em<sup>(2)</sup>, chi phí cho việc học, tỷ lệ bỏ học giữa chừng, tuổi thôi học của trẻ và thành tích học tập (Đỗ Thiên Kính, 2005; Trần Quý Long, 2013; Lê Ngọc Hùng, 2015). Tuy nhiên, các yếu tố, biến số liên quan đến nguồn gốc gia đình và vốn văn hóa trong việc tìm nguyên nhân của tình trạng bất bình đẳng giáo dục phổ thông chưa được các nhà nghiên cứu khai thác sâu.

Theo chúng tôi, áp lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế là các yếu tố cần thiết nhưng chưa đủ để định hình khuôn mẫu giáo dục phổ thông Việt Nam. Tác động của các yếu tố này đến bình đẳng không chỉ thông qua sự thay đổi các yếu tố chức năng của trường học, giáo dục mà còn qua những thay đổi từ các yếu tố văn hóa, hệ tư tưởng; nhưng yếu tố văn hóa, hệ tư tưởng lại thường biến đổi chậm. Giáo dục Việt Nam với chính sách cải cách giáo dục của nhà nước nhằm nâng cao hệ thống giáo dục và bình đẳng trong giáo dục mở rộng các cơ hội học hành, nghề nghiệp cho các cá nhân trong xã hội. Tuy nhiên, chính sách miễn học phí và các hỗ trợ khác cho hoạt động giáo dục - đào tạo hiện chưa hoàn toàn loại bỏ được bất bình đẳng trong cơ hội giáo dục ở cấp học phổ thông theo các cách tiếp cận đa chiều về bất bình đẳng trong giáo dục. Sự ảnh hưởng của gia đình đến cơ hội giáo dục của con cái hầu như chưa được đặt ra một cách sâu sắc. Các quan điểm lý thuyết trên sẽ hữu ích trong đi sâu nghiên cứu vấn đề này, tuy nhiên cần được chọn lọc để phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội và văn hóa của Việt Nam.

#### CHÚ THÍCH

Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2020 “Bất bình đẳng cơ hội giáo dục của học sinh lớp 9 tại Quận 12, TPHCM” do tác giả làm chủ nhiệm, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ chủ trì

<sup>(1)</sup> Hệ số Gini được tính trên cơ sở chỉ tiêu trung bình về giáo dục cho mỗi trẻ em (6-24 tuổi, đang đi học) của hộ gia đình trong một năm (Đỗ Thiên Kính, 2005).

<sup>(2)</sup> Tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp học X là tỷ lệ % giữa số trẻ em trong độ tuổi cấp học X đang học

#### 4. KẾT LUẬN

Các quan điểm tiếp cận lý thuyết về bất bình đẳng giáo dục đề cập trong bài viết gợi mở phương pháp tiếp cận, các yếu tố và biến số phân tích trong việc đi tìm nguyên nhân bất bình đẳng cơ hội giáo dục và giáo dục phổ thông nước ta hiện nay. Lý thuyết về nhu cầu của cá nhân trong giáo dục của Boudon có thể cho phép xem xét sự tương tác giữa nguồn gốc xã hội và thành tích học tập đối với việc định hướng học tập, và xác định được vấn đề quan trọng trong bất bình đẳng về những cơ hội học tập của học sinh phổ thông. Lý thuyết vốn văn hóa của Bourdieu cũng giúp tìm hiểu ảnh hưởng của vốn văn hóa hay di sản văn hóa đến thành tích học tập của học sinh và định hướng nghề nghiệp trong tương lai... Các biến số có thể được đề cập trong các nghiên cứu bất bình đẳng cơ hội giáo dục của học sinh có thể nêu ra bao gồm: nguồn gốc gia đình (học vấn, nghề nghiệp và thu nhập của cha mẹ; tài sản của gia đình), sự quan tâm của cha mẹ đến việc học của con cái, chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục; thành tích học tập của học sinh; định hướng lựa chọn học vấn hoặc nghề nghiệp sau khi hoàn thành cấp học. □

cấp học X so với tổng số trẻ em trong độ tuổi cấp học X (Đỗ Thiên Kính, 2005: 48).

### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ansart, Pierre (Huyền Trang dịch). 2001. *Các trào lưu xã hội học hiện nay*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
2. Bilton, Tony; Kenvin Bonnett; Philip Jones; Ken Sheard; Michelle Stanworth và Andrew Webster. 1987. *Nhập môn xã hội học*. Phạm Thủy Ba dịch, 1993. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
3. Boudon, R. 1990. "Les causes de l'inégalité des chances scolaires". Publié le 1 juillet 2011. <http://skhole.fr/les-causes-de-l-in%C3%A9galit%C3%A9-des-chances-scolaires-par-raymond-boudon> (Cet article est tiré d'une conférence prononcée à la Fondation Saint-Simon, le 12 février 1990, dans le cadre du cycle sur les politiques d'éducation organisé par Ph. Reynaud et P. Thibaut), truy cập ngày 10/3/2019.
4. Bourdieu, P., Passeron, J.C. 1964. *Les Héritiers*. Paris: Les éditions de Minuit.
5. Bourdieu, P., Passeron, J.C. 1970. *La Reproduction*. Paris: Les éditions de Minuit.
6. Bourdieu, Pierre. 1979. "Les trois états du capital culturel". In *Actes de la recherche en sciences sociales*. Vol. 30, novembre 1979. *L'institution scolaire*. pp.3-6 ; <https://doi.org/10.3406/arss.1979.2654>, truy cập ngày 20/3/2019.
7. Đỗ Thiên Kính. 2005. "Bất bình đẳng về giáo dục ở Việt Nam hiện nay (dựa trên cơ sở dữ liệu VLSS93, VLSS98 và cho sánh với một số nước Tây Âu trong những năm 1960-1965)". *Tạp chí Xã hội học*, số 1/2005, tr. 48-55.
8. Lareau, Annette and Elliot B. Weininger. 2003. "Cultural Capital in Educational Research: A Critical Assessment". *Theory and Society*. Vol. 32, No. 5/6, Special Issue on The Sociology of Symbolic Power: A Special Issue in Memory of Pierre Bourdieu (Dec., 2003), pp. 567-606. Published by Springer. <https://www.jstor.org/stable/3649652>, truy cập ngày 15/10/2020.
9. Lê Ngọc Hùng. 2015. "Bất bình đẳng xã hội trong giáo dục ở Việt Nam". *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 1-2015, tr. 61-66.
10. Nguyễn Thị Thanh Hương. 2011. "Vấn đề bất bình đẳng trong giáo dục hiện nay". *Tạp chí Khoa học Xã hội*, số 9-2011, tr. 24-29.
11. Nguyễn Văn Tiệp. 2015. "Bất bình đẳng giới về cơ hội giáo dục ở Đồng bằng sông Cửu Long". *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, tập 18, số X5-2015, tr. 75-86.
12. Nguyễn Xuân Nghĩa. 2017. *Lý thuyết xã hội học đương đại. Một số nhà tư tưởng quan trọng từ nửa cuối thế kỷ XX đến nay*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
13. Nonna, Mayer. 1974. Boudon (Raymond) – "L'inégalité des chances, la mobilité sociale dans les sociétés industrielles". In *Revue française de science politique*, 24<sup>e</sup> année, n°6, 1974. pp. 1268-1273. [https://www.persee.fr/doc/rfsp\\_0035-2950\\_1974\\_num\\_24\\_6\\_418761\\_t1\\_1268\\_0000\\_001](https://www.persee.fr/doc/rfsp_0035-2950_1974_num_24_6_418761_t1_1268_0000_001), truy cập ngày 19/3/2019.
14. Trần Quý Long. 2013. "Các yếu tố gia đình ảnh hưởng đến tuổi thôi học của thanh thiếu niên Việt Nam". *Tạp chí Nghiên cứu Giới và Gia đình*, số 2-2013, tr. 29-42.
15. UNICEF. 2016. Báo cáo *Trẻ em ngoài nhà trường*. Nghiên cứu của Việt Nam. Hà Nội.
16. Word Bank. 2009. *Opportunities in Latin America and the Caribbean*. <https://publications.iadb.org/en/measuring-inequality-opportunities-latin-america-and-caribbean>, truy cập ngày 10/11/2020.